

Học phần: Toán cao cấp 2

Nhóm: 2

Số tín chỉ:

Ngày thi: 18.06.2016

Giờ thi: 8h

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
1	B15DCKT001	Triệu Phương An	D15CQKT01-B	10,0	8,0	8,0	8,5	8,6	
2	B15DCQT007	Kim Tuấn Anh	D15CQQT03-B	10,0	6,0	6,0	4,0	5,0	
3	B15DCPT001	Lương Quốc Anh	D15CQPT01-B	10,0	5,0	5,0	7,0	6,9	
4	B15DCQT008	Nguyễn Hoàng Anh	D15CQQT04-B	8,0	4,0	4,0	3,0	3,7	
5	B15DCPT003	Nguyễn Thế Anh	D15CQPT03-B	8,0	8,0	8,0	0,5	2,8	
6	B15DCMR007	Phạm Thị Phương Anh	D15CQMR01-B	10,0	5,0	5,0	4,0	4,8	
7	B15DCPT012	Nguyễn Ngọc ánh	D15CQPT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
8	B15DCPT014	Lê Viết Bằng	D15CQPT04-B	10,0	7,0	7,0	5,5	6,3	
9	B15DCPT019	Nguyễn Đức Bình	D15CQPT04-B	10,0	7,0	7,0	3,0	4,5	
10	B15DCPT021	Nguyễn Văn Chiến	D15CQPT01-B	10,0	5,0	5,0	5,5	5,9	
11	B15DCPT029	Nguyễn Văn Cường	D15CQPT04-B	10,0	6,0	6,0	4,0	5,0	
12	B15DCPT038	Giáp Văn Đoàn	D15CQPT03-B	8,0	9,0	9,0	9,0	8,9	
13	B15DCTT011	Đỗ Đình Dự	D15CQTT01-B	10,0	6,0	6,0	3,5	4,7	
14	B15DCPT044	Đặng Xuân Đức	D15CQPT04-B	10,0	7,0	7,0	8,0	8,0	
15	B15DCPT046	Nguyễn Tuấn Đức	D15CQPT01-B	6,0	2,0	2,0		1,0	
16	B15DCQT032	Nguyễn Mậu Dũng	D15CQQT04-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
17	B15DCPT056	Chu Minh Giang	D15CQPT01-B	10,0	7,0	7,0	5,5	6,3	
18	B15DCTT020	Nguyễn Văn Hải	D15CQTT02-B	10,0	7,0	7,0	5,5	6,3	
19	B15DCKT039	Phạm Thu Hải	D15CQKT03-B	10,0	8,0	8,0	3,5	5,1	
20	B15DCPT071	Nguyễn Thúy Hàng	D15CQPT01-B	8,0	8,0	8,0	4,5	5,6	
21	B15DCKT049	Nguyễn Thị Hiền	D15CQKT01-B	10,0	5,0	5,0	2,5	3,8	
22	B15DCPT084	Nguyễn Đình Hiệp	D15CQPT04-B	10,0	3,0	3,0	7,0	6,5	
23	B15DCPT085	Nguyễn Đình Hiệp	D15CQPT05-B	10,0	9,0	9,0	6,0	7,0	
24	B15DCQT066	Lê Thị Hòa	D15CQQT02-B	10,0	6,0	6,0	3,5	4,7	
25	B15DCQT074	Nguyễn Việt Hoàng	D15CQQT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
26	B15DCKT064	Nguyễn Thị Khánh Huế	D15CQKT04-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
27	B15DCPT107	Lê Xuân Hưng	D15CQPT02-B	8,0	3,0	3,0	1,0	2,1	
28	B15DCTT036	Bùi Thị Hương	D15CQTT02-B	10,0	9,0	9,0	5,0	6,3	
29	B15DCPT111	Phạm Thị Hường	D15CQPT01-B	10,0	6,0	6,0	9,5	8,9	
30	B15DCPT114	Nguyễn Đức Huy	D15CQPT04-B	10,0	6,0	6,0	6,0	6,4	
31	B15DCTT040	Hoàng Thị Huyền	D15CQTT02-B	10,0	6,0	6,0	7,0	7,1	
32	B15DCKT079	Trần Thị Thanh Huyền	D15CQKT03-B	10,0	6,0	6,0	8,0	7,8	
33	B15DCPT123	Vũ Quang Khánh	D15CQPT03-B	8,0	6,0	6,0	1,0	2,7	
34	B15DCQT098	Đinh Văn Kính	D15CQQT02-B	10,0	2,0	2,0	3,5	3,9	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
35	B15DCKT087	Nguyễn Thị Mỹ Liên	D15CQKT03-B	10,0	8,0	8,0	5,0	6,1	
36	B15DCTT044	Nguyễn Ngọc Linh	D15CQTT02-B	10,0	7,0	7,0	8,0	8,0	
37	B15DCQT105	Nguyễn Thị Linh	D15CQQT01-B	10,0	3,0	3,0	4,0	4,4	
38	B15DCKT091	Trần Khánh Linh	D15CQKT03-B	10,0	5,0	5,0	4,0	4,8	
39	B15DCKT095	Vũ Phương Linh	D15CQKT03-B	10,0	6,0	6,0	3,0	4,3	
40	B15DCQT111	Phạm Thị Loan	D15CQQT03-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
41	B15DCPT135	Triệu Xuân Lợi	D15CQPT05-B	10,0	3,0	3,0	5,5	5,5	
42	B15DCPT148	Nguyễn Tiến Mạnh	D15CQPT03-B	8,0	7,0	7,0	4,0	5,0	
43	B15DCPT154	Đoàn Hải Nam	D15CQPT04-B	8,0	9,0	9,0	7,5	7,9	
44	B15DCPT165	Trần Phương Nam	D15CQPT05-B	8,0	4,0	4,0	4,0	4,4	
45	B15DCKT115	Trần Thị Nga	D15CQKT03-B	10,0	4,0	4,0	6,5	6,4	
46	B15DCTT056	Phạm Thị Hàn Nhi	D15CQTT02-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
47	B15DCPT178	Hoàng Hoa Phát	D15CQPT03-B	10,0	3,0	1,0	0,0	1,4	
48	B15DCQT137	Ngô Thị Kiều Phương	D15CQQT01-B	10,0	3,0	3,0	4,5	4,8	
49	B15DCMR079	Nguyễn Thị Linh Phương	D15CQMR01-B	10,0	7,0	7,0	4,5	5,6	
50	B15DCQT139	Đỗ Thị Phương	D15CQQT03-B	10,0	6,0	6,0	4,0	5,0	
51	B15DCMR081	Trần Mạnh Quân	D15CQMR03-B	8,0	4,0	4,0	3,5	4,1	
52	B15DCMR083	Lê Quang	D15CQMR02-B	8,0	4,0	4,0	1,0	2,3	
53	B15DCPT185	Nguyễn Sỹ Quang	D15CQPT05-B	10,0	6,0	6,0	1,0	2,9	
54	B15DCQT144	Vũ Thị Sơn	D15CQQT04-B	10,0	4,0	4,0	3,0	3,9	
55	B15DCPT194	Nguyễn Hồng Sơn	D15CQPT04-B	10,0	5,0	5,0	6,5	6,6	
56	B15DCTT068	Đàm Minh Thắng	D15CQTT02-B	8,0	1,0	1,0		1,0	
57	B15DCPT205	Giáp Đức Thắng	D15CQPT05-B	8,0	4,0	4,0	4,5	4,8	
58	B15DCPT209	Nguyễn Trung Thành	D15CQPT04-B	10,0	9,0	9,0	6,5	7,4	
59	B15DCPT213	Trần Thị Thu Thảo	D15CQPT03-B	10,0	6,0	6,0	3,5	4,7	
60	B15DCQT161	Nguyễn Tiến Thế	D15CQQT01-B	6,0	1,0	1,0		0,8	
61	B15DCQT164	Triệu Đức Thọ	D15CQQT04-B	4,0	3,0	3,0	0,0	1,0	Đình chỉ thi
62	B15DCMR100	Nguyễn Thị Thu	D15CQMR01-B	10,0	6,0	6,0	4,0	5,0	
63	B15DCPT235	Vũ Anh Quốc Toàn	D15CQPT05-B	8,0	6,0	6,0	6,0	6,2	
64	B15DCTT074	Bùi Quốc Toàn	D15CQTT02-B	10,0	4,0	4,0	6,5	6,4	
65	B15DCKT191	Bùi Thị Trang	D15CQKT03-B	10,0	9,0	10,0	9,0	9,2	
66	B15DCKT190	Ngô Thị Thùy Trang	D15CQKT02-B	8,0	5,0	5,0	5,0	5,3	
67	B15DCQT174	Nguyễn Thị Thùy Trang	D15CQQT02-B	10,0	3,0	3,0	0,5	2,0	
68	B15DCPT244	Trần Văn Trung	D15CQPT04-B	10,0	4,0	4,0	5,5	5,7	
69	B15DCPT249	Nguyễn Anh Tú	D15CQPT04-B	10,0	9,0	9,0	4,0	5,6	
70	B15DCPT262	Đào Duy Tùng	D15CQPT02-B	8,0	4,0	4,0	4,0	4,4	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
71	B15DCPT265	Ngô Văn Tuyên	D15CQPT05-B	10,0	4,0	4,0	4,5	5,0	
72	B15DCMR124	Nguyễn Kim Tuyên	D15CQMR01-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
73	B15DCMR125	Trần Thị Tuyệt	D15CQMR02-B	10,0	5,0	5,0	8,5	8,0	
74	B15DCQT193	Nguyễn Kiều Uyên	D15CQQT01-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
75	B15DCKT206	Lê Thị Hồng Vân	D15CQKT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
76	B15DCPT270	Hoàng Quốc Việt	D15CQPT05-B	10,0	5,0	5,0	6,5	6,6	
77	B15DCPT274	Nguyễn Xuân Vui	D15CQPT04-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
78	B15DCQT205	Nguyễn Thị Thanh Xuân	D15CQQT01-B	8,0	4,0	4,0	6,0	5,8	
79	B15DCPT275	Đặng Hưng Yên	D15CQPT05-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
80	B15DCTT088	Nguyễn Thị Hải Yến	D15CQTT02-B	10,0	6,0	6,0	4,0	5,0	

Ghi chú:

- Số SV theo DS:	80	SV	- Số SV dự thi:	73	SV
- Số SV thi đạt:	59	SV	- Số SV vắng thi:	0	SV
- Số SV thi không đạt:	21	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

CÁN BỘ KHÓP PHÁCH

SỐ 1

SỐ 2

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016
TRƯỞNG TRUNG TÂM

Nguyễn Cảnh Châu

Ngô Hồng Quân

Nguyễn Xuân Trường